

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-36
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số: 6205/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải biển Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0300424088, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2006 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 22/10/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiện	Chủ tịch	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó ông Trần Thiện là Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Hưởng	Thành viên	
Bà Huỳnh Như Ý	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó bà Huỳnh Như Ý là Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Thanh Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc ngày 04/10/2025; Trước đó Bà Lê Thị Thanh Thuận giữ chức Phó Tổng Giám đốc.
Ông Nguyễn Ngọc Thiện	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/10/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Tuấn	Trưởng ban	
Ông Đồng Đăng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026
Bà Dương Thị Kim Kiều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Ngọc Thiện - Tổng Giám đốc Công ty (miễn nhiệm ngày 04/10/2025) và Bà Lê Thị Thanh Thuận - Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/10/2025).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Trong kỳ, Công ty có phát sinh việc chậm công bố thông tin báo cáo tài chính và đã thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Thuần

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 150526.001/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Kiểm toán viên đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ các vấn đề sau:

- Công ty ban hành Quyết định 197/QĐ-SSC về hệ số chuyên cần tháng 9/2024, nhưng sau khi chi trả, người lao động đã hoàn trả toàn bộ số tiền 81.517.642 đồng vào tài khoản Công ty. Do đó, chi phí nhân công giảm tương ứng và thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm 16.303.528 đồng.
- Công ty đã sử dụng quỹ lương của các năm trước để chi trả lương cho các tháng đầu năm sau, dẫn đến chi phí thuế TNDN các năm 2021–2023 bị ghi nhận thiếu.
- Trong các năm 2022–2023, Công ty tạm trích và sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi trước khi có phê duyệt của ĐHCĐ và HĐQT, chưa phù hợp quy định.
- Năm 2022, Công ty ghi nhận tài sản cố định từ dự án chưa nghiệm thu, chưa phù hợp quy định, dẫn đến chi phí khấu hao bị loại khi tính thuế TNDN.

Các vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		214.938.169.175	202.861.027.294
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.715.293.142	17.534.879.085
111	1. Tiền		24.715.293.142	17.534.879.085
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	172.000.000.000	161.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		172.000.000.000	161.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.597.758.807	23.512.168.131
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.366.189.320	4.899.509.221
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	941.934.379	1.842.841.896
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.622.080.333	25.103.764.373
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.332.445.225)	(8.333.947.359)
140	IV. Hàng tồn kho	9	169.844.186	177.368.628
141	1. Hàng tồn kho		890.743.855	898.268.297
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(720.899.669)	(720.899.669)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		455.273.040	636.611.450
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	137.300.621	348.542.264
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.978.101	15.331.176
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	302.994.318	272.738.010
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		118.119.963.383	119.854.605.032
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.297.000.000	1.293.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.297.000.000	1.293.000.000
220	II. Tài sản cố định		13.775.176.166	15.175.489.628
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.300.095.984	10.621.508.120
222	- Nguyên giá		36.850.682.126	38.313.548.558
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.550.586.142)	(27.692.040.438)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.475.080.182	4.553.981.508
228	- Nguyên giá		5.579.061.908	5.579.061.908
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.103.981.726)	(1.025.080.400)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	2.987.522.054	3.084.863.042
231	- Nguyên giá		26.962.855.342	26.962.855.342
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.975.333.288)	(23.877.992.300)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	5.943.265.153	5.943.265.153
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.943.265.153	5.943.265.153
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	92.598.404.204	92.598.404.204
251	1. Đầu tư vào công ty con		92.598.404.204	92.598.404.204
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.983.934.769	18.983.934.769
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(18.983.934.769)	(18.983.934.769)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.518.595.806	1.759.583.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.518.595.806	1.759.583.005
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		333.058.132.558	322.715.632.326

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.637.584.819	26.749.143.521
310	I. Nợ ngắn hạn		24.637.584.819	18.749.143.521
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	9.838.007.304	6.817.256.784
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		212.691.820	102.650.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.443.367.835	2.222.824.731
314	4. Phải trả người lao động		651.136.571	2.281.211.678
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		291.289.716	148.621.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.551.581.991	4.455.422.928
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.649.509.582	2.721.155.582
330	II. Nợ dài hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	8.000.000.000	8.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		300.420.547.739	295.966.488.805
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	300.420.547.739	295.966.488.805
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		144.200.000.000	144.200.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		144.200.000.000	144.200.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.436.551.000	11.436.551.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		144.783.996.739	140.329.937.805
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		140.329.937.805	121.039.572.449
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.454.058.934	19.290.365.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		333.058.132.558	322.715.632.326

Nguyễn Thị Thúy Loan
Người lậpNguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toánLê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	33.898.186.149	53.031.341.313
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.898.186.149	53.031.341.313
11	4. Giá vốn hàng bán	21	26.543.903.087	39.373.641.271
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.354.283.062	13.657.700.042
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.464.047.688	3.368.045.470
22	7. Chi phí tài chính	23	63.359.722	1.722.826
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.406.770.932	3.529.947.599
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.348.200.096	13.494.075.087
31	11. Thu nhập khác	25	480.740.071	3.887.273
32	12. Chi phí khác	26	1.005.000.000	22.381.326
40	13. Lợi nhuận khác		(524.259.929)	(18.494.053)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.823.940.167	13.475.581.034
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.369.881.233	2.813.508.741
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.454.058.934	10.662.072.293

Nguyễn Thị Thúy Loan
Người lậpNguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toánLê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.823.940.167 ✓	13.475.581.034
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.497.654.450✓	1.500.508.585
03	- Các khoản dự phòng		(1.502.134) ✓	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.762.019.431)✓	(3.283.635.947)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.558.073.052 ✓	11.692.453.672
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.882.008.225✓	(2.823.662.057)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.524.442 ✓	20.886.604
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.632.665.372✓	(7.159.079.861)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		452.228.842✓	183.375.841
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.042.459.307)✓	(1.664.716.946)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(71.646.000)✓	(613.154.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.418.394.626✓	(363.896.747)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		417.740.071✓	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(72.000.000.000)✓	(69.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.000.000.000✓	63.300.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.344.279.360 ✓	3.283.635.947
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.237.980.569) ✓	(2.916.364.053)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(48.549.037)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(48.549.037)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

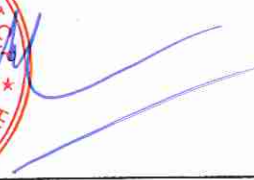
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.180.414.057	(3.328.809.837)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.534.879.085	17.966.366.212
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	24.715.293.142	14.637.556.375


Nguyễn Thị Thúy Loan
Người lập


Nguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toán


Lê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số: 6205/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải biển Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0300424088, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2006 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 22/10/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 144.200.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 144.200.000.000 VND; tương đương 14.420.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 66 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 65 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistic; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại thành phố Quy Nhơn

Địa chỉ

109A Trần Hưng
Đạo, Phường Quy
Nhơn, Tỉnh Gia
Lai

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác
liên quan đến vận tải

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại thành phố Cần Thơ

512/35 CMT8,
Phường Bình
Thủy, TP. Cần Thơ

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác
liên quan đến vận tải

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại Hải Phòng

Phòng 301-302
tầng 3 Khu nhà A,
số 5A Hoàng Văn
Thụ, Phường Hồng
Bàng, TP. Hải
Phòng

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác
liên quan đến vận tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 1 năm.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	169.195.827	377.717.448
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.546.097.315	17.157.161.637
	<u>24.715.293.142</u>	<u>17.534.879.085</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	172.000.000.000	-	161.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	172.000.000.000	-	161.000.000.000	-
	172.000.000.000	-	161.000.000.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5% đến 5,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	92.598.404.204		-	92.598.404.204		-
- Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng	11.236.134.000		-	11.236.134.000		-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Giao Nhận Kho Vận Bình Minh	81.362.270.204		-	81.362.270.204		-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	18.983.934.769	-	(18.983.934.769)	18.983.934.769	-	(18.983.934.769)
- Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	18.983.934.769		(18.983.934.769)	18.983.934.769		(18.983.934.769)
	111.582.338.973	-	(18.983.934.769)	111.582.338.973	-	(18.983.934.769)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng ⁽¹⁾	Đà Nẵng	62,20%	62,20%	Kinh doanh vận tải hàng hóa
- Công Ty TNHH Liên Doanh Giao Nhận Kho Vận Bình Minh ⁽²⁾	TP Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon ⁽³⁾	TP Hồ Chí Minh	51,00%	50,00%	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401358956 ngày 21/05/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/09/2021 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng là 20.000.000.000 VND. Đến ngày 30/06/2025, Công ty hiện đang nắm giữ 1.243.904 cổ phần, tương đương 62,20% trên vốn điều lệ, tỷ lệ biểu quyết 62,20%, tỷ lệ lợi ích 62,20%.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306632711 ngày 31/12/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17/04/2024 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh là 66.000.000.000 VND, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty con.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 02 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon là 1.224.000 USD, tương đương 51% vốn điều lệ, tỷ lệ biểu quyết 50%. Đơn vị này đang làm thủ tục phá sản và không còn hoạt động tại trụ sở.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>1.101.919.874</i>	-	<i>922.975.549</i>	-
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	1.101.919.874	-	922.414.597	-
Công ty CP Vận tải biển GLS	-	-	560.952	-
<i>Bên khác</i>	<i>2.264.269.446</i>	<i>(493.418.860)</i>	<i>3.976.533.672</i>	<i>(493.418.860)</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí – Vận tải Anh Khang	381.400.000	(122.380.000)	381.400.000	(122.380.000)
MAERSK A/S	598.539.873	-	1.667.882.973	-
VPCT Công ty TNHH Minh Hiền	189.535.000	(189.535.000)	189.535.000	(189.535.000)
Các khách hàng khác	1.094.794.573	(181.503.860)	1.737.715.699	(181.503.860)
	<u>3.366.189.320</u>	<u>(493.418.860)</u>	<u>4.899.509.221</u>	<u>(493.418.860)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng	4.118.652	-	777.402.364	-
Công ty Luật TNHH Luật Sư Riêng	150.000.000	-	150.000.000	-
Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc	140.000.000	-	140.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	647.815.727	(249.996.491)	775.439.532	(249.996.491)
	<u>941.934.379</u>	<u>(249.996.491)</u>	<u>1.842.841.896</u>	<u>(249.996.491)</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>a1) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về cổ phần hóa	14.036.316	-	32.344.554	-
Tạm ứng	181.629.908	(6.139.708)	124.531.628	(6.139.708)
Các khoản chi hộ	12.761.633.088	-	16.356.673.964	-
Phải thu khác	8.664.781.021	(7.582.890.166)	8.590.214.227	(7.584.392.300)
	<u>21.622.080.333</u>	<u>(7.589.029.874)</u>	<u>25.103.764.373</u>	<u>(7.590.532.008)</u>
<i>a2) Chi tiết theo đối tượng</i>				
MAERSK A/S	12.758.532.098	-	16.199.911.459	-
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	(5.849.054.747)	5.849.054.747	(5.849.054.747)
Các đối tượng khác	3.014.493.488	(1.739.975.127)	3.054.798.167	(1.741.477.261)
	<u>21.622.080.333</u>	<u>(7.589.029.874)</u>	<u>25.103.764.373</u>	<u>(7.590.532.008)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.297.000.000	-	1.293.000.000	-
	<u>1.297.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.293.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b2) Chi tiết theo đối tượng				
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Bến Thành	1.100.000.000	-	800.000.000	-
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	-	-	300.000.000	-
Các đối tượng khác	197.000.000	-	193.000.000	-
	<u>1.297.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.293.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	(5.849.054.747)	5.849.054.747	(5.849.054.747)
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	-	-	300.000.000	-
	<u>5.849.054.747</u>	<u>(5.849.054.747)</u>	<u>6.149.054.747</u>	<u>(5.849.054.747)</u>

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	868.858.860	375.440.000	868.858.860	375.440.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí – Vận tải Anh Khang	381.400.000	259.020.000	381.400.000	259.020.000
- Công ty TNHH Minh Hiền	189.535.000	-	189.535.000	-
- Các khoản khác	297.923.860	116.420.000	297.923.860	116.420.000
Trả trước cho người bán	249.996.491	-	249.996.491	-
Tạm ứng	6.139.708	-	6.139.708	-
Phải thu khách hàng	8.473.289.662	890.399.496	8.473.289.662	888.897.362
- Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	5.849.054.747	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thanh Phước	694.745.034	664.189.188	694.745.034	664.189.188
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí – Vận tải Anh Khang	136.640.600	93.501.940	136.640.600	93.501.940
- Các khoản khác	1.792.849.281	132.708.368	1.792.849.281	131.206.234
	<u>9.598.284.721</u>	<u>1.265.839.496</u>	<u>9.598.284.721</u>	<u>1.264.337.362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	169.844.186	-	177.368.628	-
Công cụ, dụng cụ	720.899.669	(720.899.669)	720.899.669	(720.899.669)
	<u>890.743.855</u>	<u>(720.899.669)</u>	<u>898.268.297</u>	<u>(720.899.669)</u>

10 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Công trình mở rộng trung tâm kho vận (*)	5.943.265.153	5.943.265.153
	<u>5.943.265.153</u>	<u>5.943.265.153</u>

(*) Bao gồm chi phí xây dựng bãi container 6.480m² và chi phí đền bù, giải tỏa mặt bằng trong Dự án xây dựng bãi container 2.100m² cho Trung tâm Kho vận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ (đã điều chỉnh)	13.122.239.825	2.249.434.011	22.398.439.234	513.435.488	30.000.000	38.313.548.558
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.462.866.432)	-	-	(1.462.866.432)
Số dư cuối kỳ	13.122.239.825	2.249.434.011	20.935.572.802	513.435.488	30.000.000	36.850.682.126
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ (đã điều chỉnh)	12.942.756.473	2.149.469.189	12.056.379.288	513.435.488	30.000.000	27.692.040.438
- Khấu hao trong kỳ	21.718.338	35.052.696	1.264.641.102	-	-	1.321.412.136
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.462.866.432)	-	-	(1.462.866.432)
Số dư cuối kỳ	12.964.474.811	2.184.521.885	11.858.153.958	513.435.488	30.000.000	27.550.586.142
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ (đã điều chỉnh)	179.483.352	99.964.822	10.342.059.946	-	-	10.621.508.120
Tại ngày cuối kỳ	157.765.014	64.912.126	9.077.418.844	-	-	9.300.095.984

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.742.830.879 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	4.913.602.800	665.459.108	5.579.061.908
Số dư cuối kỳ	4.913.602.800	665.459.108	5.579.061.908
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	380.287.968	644.792.432	1.025.080.400
- Khấu hao trong kỳ	63.401.328	15.499.998	78.901.326
Số dư cuối kỳ	443.689.296	660.292.430	1.103.981.726
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	4.533.314.832	20.666.676	4.553.981.508
Tại ngày cuối kỳ	4.469.913.504	5.166.678	4.475.080.182

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 572.459.108 VND.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	17.970.151.342	8.992.704.000	26.962.855.342
Số dư cuối kỳ	17.970.151.342	8.992.704.000	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	17.970.151.342	5.907.840.958	23.877.992.300
- Khấu hao trong kỳ	-	97.340.988	97.340.988
Số dư cuối kỳ	17.970.151.342	6.005.181.946	23.975.333.288
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	3.084.863.042	3.084.863.042
Tại ngày cuối kỳ	-	2.987.522.054	2.987.522.054

Thu nhập và chi phí liên quan đến hợp tác kinh doanh hợp tác bất động sản đầu tư như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thu nhập từ việc hợp tác kinh doanh	2.364.586.140	2.990.480.690
Chi phí trực tiếp liên quan	1.973.122.369	1.850.271.798

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	55.000.000	25.000.000
CCDC xuất dùng	12.993.143	91.915.689
Chi phí sửa chữa	-	108.000.153
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	69.307.478	123.626.422
	<u>137.300.621</u>	<u>348.542.264</u>
b) Dài hạn		
Quyền sử dụng đất	1.360.556.671	1.406.889.061
Chi phí sửa chữa	158.039.135	352.693.944
	<u>1.518.595.806</u>	<u>1.759.583.005</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	541.530.430	541.530.430
Công ty Cổ phần	-	-	541.530.430	541.530.430
Saigonship Đà				
Năng				
<i>Bên khác</i>	9.838.007.304	9.838.007.304	6.275.726.354	6.275.726.354
Công ty Cổ phần	7.310.564.635	7.310.564.635	3.248.010.651	3.248.010.651
Greating Fortune				
Logistics				
Công ty TNHH	509.094.168	509.094.168	941.507.228	941.507.228
MTV Hoa tiêu				
Hàng hải Miền				
Nam				
Đối tượng khác	2.018.348.501	2.018.348.501	2.086.208.475	2.086.208.475
	<u>9.838.007.304</u>	<u>9.838.007.304</u>	<u>6.817.256.784</u>	<u>6.817.256.784</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	295.761.622	1.311.704.158	1.317.175.286	-	290.290.494
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.451.646.304	1.369.881.233	1.042.459.307	-	1.779.068.230
Thuế Thu nhập cá nhân	266.136.979	-	12.960.672	43.216.980	296.393.287	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	101.455	68.574.096	4.158.805.640	260.213.334	101.455	3.967.166.402
Các loại thuế khác	-	406.842.709	-	-	-	406.842.709
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.499.576	-	6.000.000	6.000.000	6.499.576	-
	<u>272.738.010</u>	<u>2.222.824.731</u>	<u>6.859.351.703</u>	<u>2.669.064.907</u>	<u>302.994.318</u>	<u>6.443.367.835</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.604.048.075	3.604.048.075
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	947.533.916	851.374.853
	<u>4.551.581.991</u>	<u>4.455.422.928</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>8.000.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	121.039.572.449	276.676.123.449
Lãi trong kỳ trước	-	-	10.662.072.293	10.662.072.293
Số dư cuối kỳ trước	144.200.000.000	11.436.551.000	131.701.644.742	287.338.195.742
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	144.200.000.000	11.436.551.000	140.329.937.805	295.966.488.805
Lãi trong kỳ nay	-	-	4.454.058.934	4.454.058.934
Số dư cuối kỳ này	144.200.000.000	11.436.551.000	144.783.996.739	300.420.547.739

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
TCT Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	51,00%	73.542.000.000	51,00%	73.542.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	37,42%	53.963.540.000	37,42%	53.963.540.000
Các cổ đông khác	11,58%	16.694.460.000	11,58%	16.694.460.000
	100%	144.200.000.000	100%	144.200.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	144.200.000.000	144.200.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	144.200.000.000	144.200.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	144.200.000.000	144.200.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang theo thời hạn được trình bày như sau:

	Diện tích m ²	Trong 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 9 Nguyễn Công Trứ	574	630.951.132	-	-	630.951.132
Linh Xuân, Thủ Đức	6.480,3	485.011.573	1.940.046.293	14.388.676.672	16.813.734.538
Linh Xuân, Thủ Đức	39.919	3.635.831.628	14.543.326.512	71.504.688.684	89.683.846.824
		<u>4.751.794.333</u>	<u>16.483.372.805</u>	<u>85.893.365.356</u>	<u>107.128.532.494</u>

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	100.974,12	110.063,13

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu dịch vụ hàng hải	3.270.014.947	2.543.230.169
Doanh thu dịch vụ và giao nhận và vận tải	1.102.892.611	9.529.932.157
Doanh thu dịch vụ kho vận	29.447.281.711	40.745.378.987
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	77.996.880	212.800.000
	<u>33.898.186.149</u>	<u>53.031.341.313</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh) VND
Giá vốn dịch vụ hàng hải	2.369.595.138	2.044.185.140
Giá vốn dịch vụ và giao nhận và vận tải	2.528.161.534	10.112.903.742
Giá vốn dịch vụ kho vận	21.243.949.915	27.083.219.909
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	402.196.500	133.332.480
	<u>26.543.903.087</u>	<u>39.373.641.271</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	<u>14.358.301</u>	<u>242.842.448</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.344.279.360	3.283.635.947
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	119.768.328	84.409.523
	<u>2.464.047.688</u>	<u>3.368.045.470</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	63.359.722	1.722.826
	<u>63.359.722</u>	<u>1.722.826</u>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.190.412	152.590.787
Chi phí nhân công	1.853.043.439	1.728.570.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.796.092	105.148.818
Thuế, phí, lệ phí	302.089.950	324.931.813
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.502.134)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.130.997	624.812.292
Chi phí khác bằng tiền	226.022.176	593.892.984
	<u>3.406.770.932</u>	<u>3.529.947.599</u>

25 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	417.740.071	-
Thu nhập khác	63.000.000	3.887.273
	<u>480.740.071</u>	<u>3.887.273</u>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	5.000.000	22.143.784
Chi phí khác	1.000.000.000	237.542
	<u>1.005.000.000</u>	<u>22.381.326</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.823.940.167	13.475.581.034
Các khoản điều chỉnh tăng	1.025.466.000	591.499.709
- Chi phí không hợp lệ	1.025.466.000	591.499.709
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.849.406.167	14.067.080.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.369.881.233	2.813.416.149
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	92.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.451.646.304	1.640.147.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.042.459.307)	(1.664.716.946)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.779.068.230	2.788.939.649

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	914.333.707	3.307.662.399
Chi phí nhân công	5.082.808.289	5.954.280.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.497.654.450	1.500.508.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.577.245.679	27.175.887.692
Chi phí khác bằng tiền	4.878.631.894	4.965.249.435
	29.950.674.019	42.903.588.870

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư ngắn hạn	172.000.000.000	-	-	172.000.000.000
	<u>172.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>172.000.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
	<u>161.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>161.000.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.546.097.315	-	-	24.546.097.315
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.988.269.653	1.297.000.000	-	26.285.269.653
Các khoản cho vay	172.000.000.000	-	-	172.000.000.000
	<u>221.534.366.968</u>	<u>1.297.000.000</u>	<u>-</u>	<u>222.831.366.968</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.157.161.637	-	-	17.157.161.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.003.273.594	1.293.000.000	-	31.296.273.594
Các khoản cho vay	161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
	208.160.435.231	1.293.000.000	-	209.453.435.231

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	14.389.589.295	-	-	14.389.589.295
Chi phí phải trả	291.289.716	-	-	291.289.716
	14.680.879.011	-	-	14.680.879.011
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.272.679.712	-	-	11.272.679.712
Chi phí phải trả	148.621.818	-	-	148.621.818
	11.421.301.530	-	-	11.421.301.530

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đã chi trả cổ tức gộp năm 2023 và năm 2024 cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 92,5%, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 9.250 đồng. Trong đó, tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 là 25% và 67,5% của năm 2024. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chia cổ tức là ngày 15/1/2026. Thời gian thanh là ngày 3/2/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ		
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	Cổ đông lớn		
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng Bình Minh	Công ty con		
Công ty Liên doanh vận tải thủy Sea Saigon	Công ty con		
Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	Công ty liên kết		
	Ông Trần Thiện - Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của GLS		
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát			
		06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Doanh thu		2.290.663.334	3.136.777.539
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV		-	299.701.386
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh		2.286.589.260	2.819.347.342
Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS		-	16.802.885
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu		4.074.074	925.926
Mua hàng		14.358.301	242.842.448
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng		-	191.857.500
Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS		1.416.667	29.166.666
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV		12.941.634	21.818.282
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm VND	06 tháng đầu năm VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		497.690.000	978.162.000
Ông Trần Thiện	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó ông Trần Thiện là Thành viên HĐQT	-	-
Bà Huỳnh Như Ý	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó bà Huỳnh Như Ý là Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Thiện	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/10/2025)	309.420.000	283.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Ông Phạm Văn Hường	Thành viên HĐQT	-	321.262.000
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc ngày 01/07/2024 Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc ngày 04/10/2025; Trước đó Bà Lê Thị Thanh Thuận giữ chức Phó Tổng Giám đốc.	188.270.000	373.460.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được điều chỉnh cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán riêng ngày 31/12/2024

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.716.544.172	2.222.824.731	506.280.559
Phải trả người lao động	314	4.449.529.159	2.281.211.678	(2.168.317.481)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	137.996.812.679	140.329.937.805	2.333.125.126
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	41.668.989.649	38.313.548.558	(3.355.441.091)
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(28.363.128.642)	(27.692.040.438)	671.088.204
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.587.824.062	5.943.265.153	3.355.441.091

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh


Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025


Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kỳ trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Giá vốn hàng bán	11	39.485.489.305	39.373.641.271	(111.848.034)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.363.733.000	13.475.581.034	111.848.034
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.550.224.259	10.662.072.293	111.848.034

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kỳ trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận trước thuế	01	13.363.733.000	13.475.581.034	111.848.034
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.612.356.619	1.500.508.585	(111.848.034)


Nguyễn Thị Thúy Loan
Người lập


Nguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toán



Lê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

8-C.T.C.P
I 2
EN
V
CHÍ MINH